TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lò Văn Quân và ông Nguyễn Đình Tuyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2019, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2019/TLST-HN&GĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Tao Thị H**; sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

* Bị đơn: **Anh Quàng Văn Q**; sinh năm: 1992.
Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Hiện nay đang cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở cai nghiện số 3, thôn X, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tao Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tao Thị H và anh Quàng Văn Q đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu vào ngày 17/7/2012. Kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung của hai anh chị hạnh phúc

được 02 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Q đã tự ý bỏ nhà đi không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh Q nghiện ma túy, hiện tại anh Q đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện số 3, thôn X, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. Đến nay chị Tao Thị H không còn tình cảm với anh Q, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh Q; nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Quàng Văn Q.

Về con chung: Chị Tao Thị H và anh Quàng Văn Q có 01 con chung, cháu tên là Quàng Thị Q; sinh ngày 24/5/2012. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quàng Thị Q. Hiện tại anh Q đang đi cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên chị H không đề nghị anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Hà về giao nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Quàng Văn Q và ủy thác thu thập chứng cứ, tại các văn bản anh Quàng Văn Q trình bày: Anh Quàng Văn Q và chị Tao Thị H có đăng ký kết hôn tại xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu; đăng ký kết hôn vào năm 2011, việc kết hôn là tự nguyện. Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 03 năm sau đó có xảy ra xô sát và cãi vã nhau nên khoảng tháng 8/2015 anh Q đã bỏ nhà đi không có tin tức gì cho vợ con biết. Đến nay chị Tao Thị H xin ly hôn anh Q không có ý kiến gì. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 người con tên là Quàng Thị Q; sinh ngày 24/5/2012 nay chị H xin ly hôn và muốn được nuôi con anh Q không có ý kiến gì. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Đã thực hiện đúng tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật HNGĐ năm 2014 đề nghị về hướng giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tao Thị H, giao cháu Quàng Thị Q; sinh ngày 24/5/2012 cho chị Tao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, về phần tài sản, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Tao Thị H phải nộp án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của chị Tao Thị H thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Tao Thị H nộp đơn khởi kiện, anh Quàng Văn Q có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thủ tục tố tụng và Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Anh Quàng Văn Q có ý kiến xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Tao Thị H và anh Quàng Văn Q kết hôn với nhau ngày 17/7/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Cả hai anh chị đều trình bày thống nhất giữa hai vợ chồng đã có mâu thuẫn xô sát, anh Q nghiện ma túy, hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy giữa hai anh chị đã sống ly thân từ lâu, anh Q đã về bản H sống cùng gia đình, không thấy chị H quay về bản H sinh sống cùng anh Q. Với tình trạng hôn nhân của chị H và anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, đã có mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tao Thị , cho chị Tao Thị H ly hôn với anh Quàng Văn Q.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Tao Thị H thì thấy: Từ khi anh Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì chị H đã tự mình chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến nay và tại phiên tòa chị H cũng khẳng định chị H đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q cho đến tuổi trưởng thành; chị H cũng không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, với điều kiện hoàn cảnh của anh Q đang cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, do chị H khẳng định chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung; nên để đảm bảo điều kiện cho cháu Q phát triển lành mạnh về cả thể chất, trí tuệ, đạo đức. Bởi vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận trực tiếp nuôi con chung nuôi con chung của chị Tao Thị H.

[2.3] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Tao Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của Tao Thị H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tao Thị H được ly hôn với anh Quàng Văn Q.

3. Về con chung: Giao cho chị Tao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Quàng Thị Q; sinh ngày 24/5/2012 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Quàng Văn Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Quàng Văn Q có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Tao Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2010/05581 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, chị Tao Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tao Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/4/2019); anh Quàng Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Chiềng Sinh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**
Lường Thị Nhung Nguyễn Thị Huyền	**Lương Thị Nga**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga